

II. TÍNH TỪ

1. **Định nghĩa:** Tính từ là từ chỉ tính chất, mức độ, phạm vi, màu sắc... của người hoặc vật.
2. **Chức năng:** Bổ nghĩa cho danh từ
3. **Vị trí:** **thường** đứng ngay trước danh từ (vd: *a new car*)
 - **Lưu ý:** Ngoài ra một số trường hợp tính từ đứng sau danh từ:
 - Tính từ đứng sau đại từ bất định: something, someone, anything, nothing, everything...
Do you know something new?
 - Tính từ đứng sau khi là chỉ số đo lường (chiều dài, chiều cao, tuổi tác...)
I am 23 years old.
The lake is six meters deep.
The way is ten miles long.
4. **Danh từ dùng như một tính từ**
 - Danh từ có thể đứng trước một danh từ khác làm nhiệm vụ giống như một tính từ bổ nghĩa cho danh từ đó để phân loại về các phương diện mục đích, chức năng, chất liệu, nơi chốn, thời gian... Khác với tính từ bổ nghĩa cho N để phân loại về phương diện tính chất, mức độ, phạm vi, màu sắc. (Chúng đứng trước danh từ, và không có hình thái số nhiều trừ một số trường hợp đặc biệt a sports/ sport car)
 - **Phân loại về mục đích, chức năng:** *a movie theater* (rạp chiếu phim), *a goods train* (tàu chở hàng), *an English teacher* (giáo viên dạy tiếng anh), *a service desk* (bàn dịch vụ), *a research department* (phòng nghiên cứu), *an enrollment form* (đơn đăng ký)...
 - **Phân loại về chất liệu:** *a gold ring* (nhẫn bằng vàng), *an iron ring* (nhẫn bằng sắt,) *a rubber ball* (bóng làm bằng cao su), *a vegetable soup* (súp nấu bằng rau), *a chicken soup* (súp nấu bằng gà)...
 - **Phân loại về nơi chốn, tên riêng:** *a hotel work* (công việc tại khách sạn), *housework* (công việc nhà), *Country life* (cuộc sống nông thôn), *City life* (cuộc sống thành phố), *the garden party* (tiệc ở vườn), *the school party* (tiệc ở trường), *Ha Noi city*, *Ho Chi Minh City*...
 - **Phân loại về thời gian:** *an afternoon meeting* (cuộc họp buổi chiều), *a summer show* (buổi trình diễn mùa hè), *spring months* (những tháng mùa xuân)...
 - Ngoài ra danh từ kết hợp với con số để bổ nghĩa cho danh từ đứng sau được dùng tương đương như một tính từ, danh từ luôn có hình thức số ít và có dấu gạch ngang ở giữa danh từ và con số:

Adj= số đếm - N số ít

A five-student class: lớp học 5 người

A 20-member club: CLB 20 thành viên

- Nếu trong một cụm từ có nhiều tính từ cùng bổ nghĩa cho một danh từ thì thứ tự sẽ như sau: *TTSH hoặc mạo từ, opinion (ý kiến), size(kích cỡ), age(tuổi tác), shape(hình dáng), color(màu sắc), origin (nguồn gốc), material(chất liệu), purpose(mục đích)*
- Ngoài ra còn có tính từ ghép là sự kết hợp của hai (hoặc nhiều) từ để tạo thành một từ mới có chức năng của một tính từ. Có nhiều cách ghép dưới đây là một số cách ghép thường gặp:

✓ **Công thức 1: Noun + Adjective**

(Danh từ + Tính từ)

- mile-wide: rộng một dặm.
- lightning-fast: nhanh như chớp.

✓ **Công thức 2: Number + Singular Count Noun**

(Số + Danh từ đếm được số ít)

- a four-bedroom house: một căn nhà có bốn buồng ngủ
- an eighteen-year-old girl: một cô gái mười tám tuổi

✓ **Công thức 3: Noun + Noun-ed**

(Danh từ + danh từ + ed)

- heart-shaped: hình trái tim
- olive-skinned: có làn da màu olive, da nâu

✓ **Công thức 4: Adverb + past participle**

(Trạng từ + quá khứ phân từ)

- well-known: nổi tiếng
- well-educated: được giáo dục tốt
- well-dressed: ăn mặc đẹp

✓ **Công thức 5: Preposition + Noun**

(Giới từ + Danh từ)

- overseas: ở hải ngoại

✓ **Công thức 6: Adj + -ing participle**

(Tính từ + phân từ -ing)

- good-looking: đẹp trai, dễ nhìn
- hard – working : cần cù
- long-lasting: lâu dài

✓ **Công thức 7: Noun + -ing participle**

(Danh từ + phân từ -ing)

- money-making: hái ra tiền
- record-breaking: phá kỉ lục

- ✓ **Công thức 8: Adj + Noun + ed**
(Tính từ + Danh từ + ed)
 - kind-hearted: *tốt bụng*
 - good-tempered: *tính tình vui vẻ*
- ✓ **Công thức 9: Adj – Noun**
(Tính từ + Danh từ)
 - Long-distance: *đường dài*
 - High-quality: *chất lượng cao*
- ✓ **Công thức 10: Noun + PP**
(Danh từ + quá khứ phân từ)
 - home-made: *tự sản xuất*
 - hand-made: *làm bằng tay*
 - man- made: *nhân tạo*

5. Sở hữu cách

- **Sở hữu cách** đứng trước N được dùng tương đương như một tính từ và mang tính chất sở hữu. SHC dịch là “của” ngoài ra còn dùng giới từ of + N = adj cũng có nghĩa là “của”. Tuy nhiên chúng ta **dùng SHC** khi chủ sở hữu là **người hoặc động vật** còn dùng **Of** khi chủ sở hữu là **bất động vật**
- **SHC** và **of** dùng như nhau khi chủ sở hữu là **một tổ chức**: *company, business, association, government...* hoặc chủ sở hữu là **thuyền bè, xe lửa, máy bay, xe hơi...**

Government's decision = decision of government.

The train's heating system = the heating system of the train.

- **Cách viết SHC:**

- ✓ **Đối với chủ sở hữu không có S ở tận cùng** → ta thêm “'s”

My mother's car

- ✓ **Đối với chủ sở hữu có S ở tận cùng:**

- “s” chính tả → ta có thể thêm “'s” hoặc “' ” (*dấu phẩy trên*)

The boss' car hoặc the boss's car.

- “s” ngữ pháp → là “s” của danh từ đếm được số nhiều theo qui tắc → ta thêm “' ” (*dấu phẩy trên*)

The students' car

- **Lưu ý: phân biệt SHC và tính từ sở hữu**

My car = xe của tôi; *Nam's car* = xe của Nam

My father's car = xe của bố của tôi; *Nam's father's car* = Xe của bố của Nam.

6. Mạo từ

- **Định nghĩa:** Mạo từ được coi là một tính từ đặc biệt chúng đứng trước danh từ và cho biết danh từ ấy đề cập đến một đối tượng **xác định** hay **không xác định**.
- **Cách sử dụng:** Chúng ta dùng **"the"** – **mạo từ xác định**: khi danh từ chỉ đối tượng được cả người nói lẫn người nghe biết rõ đối tượng nào đó. Ngược lại, khi dùng **mạo từ bất định "a/an"** để đề cập đến một đối tượng chung chung hoặc chưa xác định được cụ thể. Trong đó, **"the"** dùng với tất cả các loại N, còn **"a/an"** dùng với N đếm được số ít.
- **Lưu ý: dùng the/a/an**
 - **The +Adj:** tượng trưng cho một nhóm người có cùng thuộc tính, chúng không bao giờ ở số nhiều, nhưng được xem là danh từ số nhiều (*the rich = the rich people / the poor = the poor people*)
 - **Cách dùng "a/an"** (có nghĩa là một) đi với danh từ đếm được số ít.
 - ✓ **"a"** đi trước phụ âm trong âm thanh.
 - ✓ **"an"** đi trước nguyên âm trong âm thanh.
 - *A car – an expensive car, a book – an interesting book*
 - *An apple – a good apple, an umbrella, a new umbrella*
 - *A university, an hour, an honest man*
- **Mạo từ đi với N: Gặp N phải NTNS.**

Lưu ý: ngoại lệ, không được dùng the trước một số danh từ như: *bed, church, prison, hospital, school, class, college, university, doctor...* Khi nó đi với các động từ + giới từ chỉ chuyển động đi đến đó hoặc ra khỏi đó vì mục đích chính.

 - *I go to school. → đến trường để học*
 - *I go to the school. → đến trường không để học*
- Ngoài ra còn các danh từ đếm được BQT: *women, men, people...* (quy ước là có s, gọi là s bất quy tắc)